TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:116/2019/DS-PT
Ngày 17 – 4 – 2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2019/TLPT- DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc tranh bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Tô Văn S – sinh năm 1970 (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T: Ông Tô Văn S (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Ông Nguyễn Văn Trung, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Huỳnh Quốc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh C

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C: Ông Trần Văn H – Chi cục trưởng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C: Ông Nguyễn Minh C – Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông S và bà T là người phải thi hành án đối với bản án dân sự phúc thẩm số 59/2013/DSPT ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Nội dung bản án: Buộc ông Trần Văn Tăng trả cho ông S và bà T 45 chỉ vàng 24k; bà Nguyễn Thị Hà trả cho ông S, bà T 40.878.000 đồng tiền thành quả lao động; ông S, bà T tháo dỡ nhà trả đất cho bà Hà, nhưng ông S và bà T được lưu cư 06 tháng. Đến ngày 04/3/2014 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiến hành cưỡng chế thi hành án và thu giữ tất cả tài sản vật dụng của gia đình ông, bà theo mục kê chi tiết tài sản niêm phong do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C liệt kê. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tự ý bán đấu giá tài sản của ông, bà với giá 9.257.000 đồng. Ông, bà xác định Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thực hiện không đúng trình tự, thủ tục thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự, gây thiệt hại tài sản của ông, bà nên ông, bà khiếu nại và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường thiệt hại với số tiền 95.930.000 đồng. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thừa nhận sai sót và ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 08/3/2018 bồi thường cho ông, bà số tiền 18.286.000 đồng. Ông, bà không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phải bồi thường thiệt hại cho ông, bà số tiền 95.930.000 đồng. Cụ thể các loại tài sản như sau:

+ 01 cửa lá sách bằng cây sao dài 02 mét, ngang 08 tất trị giá 800.000 đồng;

+ 01 cửa sổ 02 cánh bằng cây dênh dênh dài 01 mét, ngang 08 tất trị giá 600.000 đồng;

+ Bó cây dầu 06 cây dài 04 mét, ngang 06 phân trị giá 600.000 đồng;

+ Bó cây dầu 05 cây dài 3,5 mét, ngang 01 tất trị giá 700.000 đồng;

+ 03 bó cây dầu dài 3,8 mét, ngang 08 phân mỗi bó 05 cây trị giá 1.200.000 đồng;

+ 04 bó cây đòn tay dầu 14 cây dài 5,2 mét ngang 08 phân trị giá 2.000.000 đồng;

+ 14 cây bạch đàn mỗi cây trị giá 300.000 đồng x 14 cây = 4.200.000 đồng;

+ 01 chân dàn máy may trị giá 800.000 đồng; 01 mặt bàn dàn máy may trị giá 300.000 đồng;

+ 06 bó cây, mỗi bó 04 cây = 24 cây x 50.000 đồng trị giá 1.200.000 đồng;

+ 15 cây tre x 60.000 đồng = 900.000 đồng;

+ 03 cây kèo dầu dài 4,5 mét ngang 1,2 tất x 400.000 đồng = 1.200.000 đồng;

+ 03 cây kèo bạch đàn dài 4,5 mét ngang 1,2 tất x 300.000 đồng = 900.000 đồng;

+ 01 cái tủ nhôm đựng quần áo cao 1,8 mét ngang 1,5 mét trị giá 5.000.000 đồng;

+ 01 cái giường hộp dính liền có tủ dài 2,2 mét ngang 1,6 mét bằng cây tra dầu trị giá 8.000.000 đồng;

+ 01 bộ ly quăn đôi dài 4,2 mét ngang 1,6 mét bằng cây thông trị giá 7.000.000 đồng;

+ 03 cây xiên dầu dài 4,7 mét ngang 1,2 tất trị giá 1.200.000 đồng;

+ 02 cây xiên bạch đàn dài 4,7 mét ngang 1,2 tất trị giá 600.000 đồng;

+ 01 cây xiên chính bằng bạch đàn dài 4,7 mét ngang 1,6 tất trị giá 500.000 đồng;

+ 01 cây chống dầu dài 1,2 mét ngang 1,5 tất trị giá 150.000 đồng;

+ 01 ngạch cửa bằng cây dầu dài 2,5 mét ngang 1,4 tất trị giá 250.000 đồng;

+ 01 bàn học sinh bằng cây dầu trị giá 600.000 đồng;

+ 36 tấm thiết x 45.000 đồng = 1.620.000 đồng;

+ 01 bộ ly quăn nhỏ trị giá 450.000 đồng;

+ 01 bếp bằng cây dài 1,2 mét ngang 08 tất trị giá 800.000 đồng;

+ 01 âm ly Romalton (KAD 406) trị giá 3.000.000 đồng;

+ 01 dầu kỹ thuật số Sony SM 288 trị giá 1.200.000 đồng;

+ 01 giá võng bằng sắt trị giá 400.000 đồng;

+ 48 miếng tol xi măng lớn x 60.000 đồng = 2.880.000 đồng;

+ 01 tủ phê cao 1,2 mét dài 1,8 mét bằng cây gỗ miền đông trị giá 4.800.000 đồng;

+ 01 đầu máy may hiệu merritt 8008 trị giá 3.400.000 đồng;

+ 01 đầu máy may tay hiệu singer company trị giá 2.700.000 đồng;

+ 01 bộ xoong nhôm 03 cái có nắp x 200.000 đồng = 600.000 đồng;

+ 01 mâm inox trị giá 120.000 đồng;

+ 02 thùng bass hiệu nicken (electronic) trị giá 3.000.000 đồng;

+ 01 chiếc xe đạp trị giá 1.200.000 đồng;

+ 01 bếp ga đôi hiệu international 2006 trị giá 600.000 đồng;

+ 01 cây quạt gió trị giá 300.000 đồng;

+ 01 dàn chén bằng mũ 03 tầng trị giá 300.000 đồng;

+ 01 bộ xoong 03 cái bằng inox x 300.000 đồng = 900.000 đồng;

+ 01 ấm inox hiệu watashi trị giá 150.000 đồng;

+ 01 bàn để ly bằng gỗ cây dầu dài 1,2 mét ngang 08 tất trị giá 1.200.000

đồng;

+ 01 bếp điện 02 bếp hiệu soner trị giá 1.650.000 đồng;

+ 11 cái chén ReeReeRR17 trị giá 180.000 đồng (loại chén kiểu);

+ 01 thùng đựng chén đũa trị giá 550.000 đồng;

+ Quần áo của bà T 15 bộ x 200.000 đồng = 3.000.000 đồng;

+ 20 bộ quần áo của con gái ông, bà x 250.000 đồng/ bộ = 5.000.000 đồng;

+ 20 bộ quần áo của con trai và con rễ của ông, bà x 200.000 đồng/bộ = 4.000.000 đồng;

+ 06 bộ quần áo của ông x 250.000 đồng/bộ = 1.500.000 đồng;

+ 01 cây nước ống phi 49 sâu 120 mét trị giá 4.900.000 đồng;

+ 04 cái kiệu đựng nước lớn x 540.000 đồng = 2.160.000 đồng;

+ 13 cái thao lớn bằng inox x 180.000 đồng = 2.340.000 đồng;

+ 01 bình trà trị giá 30.000 đồng;

+ 38 cái ly nhỏ, 06 cái ly lớn trị giá 100.000 đồng;

+ 02 cái giường ngủ bằng cây dầu trị giá 3.200.000 đồng.

- *Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trình bày:*

Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với ông S, bà T là đúng quy định của pháp luật về thi hành án. Tuy nhiên trong quá trình xử lý tài sản bị tạm giữ có xảy ra sai sót. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông S, bà T trên cơ sở xác định giá trị còn lại của các loại tài sản mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã thu giữ khi cưỡng chế thi hành án; không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông S và bà T, với các lý do sau:

Thứ nhất: Theo bản liệt kê tài sản ông S, bà T đưa ra có một số tài sản không trùng khớp với bản kê của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Thứ hai: Ông S, bà T yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bằng 100% trong khi đó tài sản của ông S, bà T đã qua sử dụng, không còn nguyên giá trị như mới.

Thứ ba: Kết cấu nhà ông S, bà T đưa ra là không đúng, vì kết cấu căn nhà của ông S và bà T là cây gỗ địa phương.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T.

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường thiệt hại cho ông S và bà T tổng số tiền 72.080.000 đồng.

Việc chi trả tiền bồi thường 72.080.000 đồng cho ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T được thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Bác yêu cầu của ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch 23.850.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/01/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm bản án chưa xem xét toàn diện vụ án chưa xem xét khấu hao tài sản cho phù hợp với thực tế yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ đồng ý bồi thường cho ông S, bà T số tiền 18.286.000 đồng.

Ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S phát biểu: Chấp hành viên xử lý tài sản thu giữ của ông S, bà T kéo dài, gây thiệt hại tài sản của ông S, bà T. Khi ông S khiếu nại, Chi cục thi hành án dân sự Cái Nước thừa nhận có sai sót, chấp nhận bồi thường nhưng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu ông S mà theo định giá. Bản kê của Chấp hành viên đối với tài sản thu giữ là không khách quan, không có ông S chứng kiến. Khi lập biên bản thu giữ tài sản chấp hành viên không ghi tình trạng tài sản. Giá trị tài sản ông S đưa ra yêu cầu bồi thường không phải là giá trị 100% mà theo giá trị thực tế. Tài sản đã bán đấu giá không thu hồi lại được. Ông S không nhận thông báo định giá thể hiện ông S đã có phản ứng không đồng ý. Ông S yêu cầu bồi thường là do lỗi Chấp hành viên chậm xử lý tài sản thu giữ chứ không phải do Chấp hành viện thực hiện việc cưỡng chế sai quy định. Xét về lỗi gây thiệt hại tài sản của ông S do lỗi hoàn toàn của Chấp hành viên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Chi cục thi hành dân sự huyện Cái Nước, sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường cho ông S, bà T số tiền 18.286.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo bản án dân sự phúc thẩm số 59/2013/DS-PT ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Buộc ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T tháo

dỡ toàn bộ nhà, cây nước và công trình vật kiến túc khác xây dựng trên đất để trả lại cho bà Nguyễn Thị Hà cùng các đồng nguyên đơn Trần Văn Dụ, Trần Hồng Tặng, Trần Thanh Tuyền, Trần Hoàng Anh, Trần Hồng Nhiệm, Trần Hoàng Em, Trần Diệu Hiền, Trần Hồng Út diện tích đất 10.988,9m^2 tọa lạc tại ấp Cái Chim, xã trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Ông S, bà T được lưu cư trên đất thời gian 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Ngày 23/7/2013, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 959/QĐ-CCTHA buộc ông S, bà T tháo dỡ toàn bộ nhà, cây nước và công trình vật kiến trúc khác xây dựng trên phần đất để trả lại đất cho bà Hà và các đồng nguyên đơn theo bản án đã tuyên. Do ông S, bà T không tự nguyện thi hành án và thời gian lưu cư đã hết, nên ngày 04/3/2014 Chấp hành viên tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nhà, cây nước và các công trình vật kiến trúc khác của ông S, bà T trên phần đất để trả lại đất cho bà Hà và các đồng nguyên đơn, việc cưỡng chế được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Khi tiến hành cưỡng chế tháo dỡ, do ông S, bà T không có mặt để nhận lại tài sản nên đoàn cưỡng chế lập biên bản liệt kê tất cả các tài sản tạm giữ và chuyển về kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bảo quản theo quy định.

[3] Ngày 13/3/2014 Chấp hành viên có thông báo cho ông S và bà T đến nhận tài sản, nếu hết thời hạn 03 tháng không đến nhận thì xử lý tài sản theo quy định, nhưng hết thời hạn 03 tháng ông S, bà T không đến nhận tài sản. Ngày 26/8/2014 Chấp hành viên tiến hành ký hợp thẩm định giá đối với số tài sản tạm giữ với Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Tây Nam Bộ; cơ quan thẩm định giá chỉ thẩm định 16 loại tài sản, số còn lại từ chối thẩm định do không còn giá trị sử dụng. Đến ngày 19/3/2015 Công ty thẩm định giá có chứng thư thẩm định giá trị tài sản 10.286.000 đồng. Ngày 16/6/2015 Chấp hành viên có thông báo kết quả thẩm định giá cho ông S, bà T nhưng ông S, bà T không nhận thông báo và cũng không khiếu nại gì về kết quả thẩm định giá.

[4] Sau khi có kết quả thẩm định giá, Chấp hành viên tiến hành bán đấu giá tài sản tài sản nêu trên. Qua hai lần giảm giá, đến ngày 23/10/2017 kết quả bán đấu giá thành công, số tiền bán đấu giá 8.700.000 đồng. Sau đó, ông S và bà T có đơn khiếu nại cho rằng chấp hành viên xử lý tài sản tạm giữ của ông bà kéo dài gây thiệt hại cho ông S, bà T. Ngày 24/01/2018 Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ra quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-CCTHADS, chấp nhận khiếu nại của ông S, bà T, đồng thời tiến hành thương lượng việc bồi thường nhưng không thành, do ông S, bà T yêu cầu bồi thường theo giá trị tài sản còn 100% bằng 95.930.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chỉ đồng ý bồi thường 18.286.000 đồng. Ngày 08/3/2018 Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS giải quyết việc bồi thường cho ông S, bà T số tiền 18.286.000 đồng; ông S và bà T không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường 95.930.000 đồng.

[5] Xét việc Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập biên bản thu giữ tài sản của ông S, bà T khi tiến hành cưỡng chế tháo dỡ nhà, cây nước và

các công trình kiến trúc khác trên đất vào ngày 04/3/2014 là có thực tế. Về tài sản thu giữ, theo bản liệt kê của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là 63 loại tài sản, còn ông S, bà T kê 55 loại tài sản, có sự chênh lệch nhau. Tuy nhiên, xét việc kê khai của ông S, bà T là do ông bà tự kê khai, còn bản liệt kê của Chấp hành viên được thực hiện tại thời điểm cưỡng chế tháo dỡ, có người chứng kiến, có chính quyền địa phương xác nhận nên bản kê của Chấp hành viên là có cơ sở.

[6] Xét về giá trị tài sản: Theo chứng thư thẩm định của Công ty thẩm định giá Tây Nam Bộ, số tài sản được thẩm định giá vào ngày 28/6/2014 gồm 16 loại tài sản, giá trị bằng 10.286.000 đồng (số tài sản còn lại do không còn giá trị sử dụng nên đã từ chối định giá). Việc ông S, bà T xác định giá trị tài sản còn 100% bằng 95.930.000 đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại phiên tòa ông S cũng thừa nhận các tài sản ông đã đưa vào sử dụng trước khi tiến hành cưỡng chế tháo dỡ. Theo biên bản xác định giá trị đầu tư cải tạo ngày 24/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện nhà ông S, bà T cất trên đất từ năm 2006, chủ yếu là cây gỗ địa phương (chỉ có xiêng nhà là cây dầu), cây nước khoan từ năm 1999. Như vậy, các tài sản của ông S, bà T tính đến thời điểm cưỡng chế tháo dỡ đã qua thời gian sử dụng. Mặt khác, khi cơ quan thẩm định giá tiến hành thẩm định giá ngày 26/8/2014 chỉ xác định 16 loại tài sản còn giá trị để định giá, số tài sản còn lại xác định không còn giá trị nên đã từ chối không định giá.

[7] Xét lỗi dẫn đến tài sản bị thiệt hại: Mặc dù Chấp hành viên thừa nhận có lỗi do chậm xử lý tài sản thu giữ nhưng không hoàn toàn do lỗi của Chấp hành viên, mà có lỗi của ông S và bà T, tại phiên tòa ông S cũng thừa nhận có lỗi của ông và bà T. Bởi lẽ, ngày 04/3/2014 Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế tháo dỡ, trước đó ông S, bà T đã được thông báo nhưng không có mặt để nhận tài sản. Ngày 13/3/2014 Chấp hành viên có thông báo cho ông S, bà T đến nhận tài sản trong hạn 03 tháng nhưng ông S, bà T không đến nhận. Đến ngày 26/8/2014 Chấp hành viên đã tiến hành ký hợp đồng định giá với Công ty thẩm định giá Tây Nam Bộ (sau khi hết hạn thông báo cho ông S, bà T đến nhận tài sản khoản 02 tháng). Do đó, không có cơ sở cho rằng với thời gian này đã làm cho tài sản thu giữ của ông S, bà T bị thiệt hại toàn bộ. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến tài sản bị thiệt hại cũng có phần lỗi của ông S, bà T nên ông S, bà T cũng phải gánh chịu thiệt hại đối với phần lỗi của mình. Án sơ thẩm xác định lỗi hoàn toàn của Chấp hành viên, chấp nhận yêu cầu của ông S, bà T buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường số tiền bằng 72.080.000 đồng (đã trừ số tài sản ông S, bà T đã nhận lại) là không có cơ sở.

[9] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sửa bản án sơ thẩm, buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường cho ông S, bà T số tiền 18.286.000 đồng là có căn cứ. Không chấp nhận yêu cầu của ông S, bà T đối với số tiền yêu cầu buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phải bồi thường là 77.644.000 đồng.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm các bên đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[11] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Chấp nhận kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T.

- Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường thiệt hại cho ông Sáu và bà T số tiền bằng 18.286.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bồi thường cho ông S và bà T số tiền bằng 77.644.000 đồng.

Kể từ ngày ông S và bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phải chịu 914.300 đồng. Ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.882.200 đồng; ông S và bà T đã dự nộp 2.398.000 đồng theo biên lai thu số 0004332 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, đối trừ ông S và bà T còn phải nộp tiếp 1.484.200 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không phải chịu. Ngày 21/01/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005089 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Huỳnh Văn Yên - Hồ Minh Tấn	**Nguyễn Thành Lập**